

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2024
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sỹ Linh

Ông K' Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2024 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hoài M, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trịnh Đức L, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Hoài M:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2002 bà và ông L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng ngày 12/5/2007.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn cho nhau cơ hội sửa đổi. Tuy nhiên, từ năm 2023 đến nay cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc, xảy ra rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống,

không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, ông L thường xuyên chửi bới, xúc phạm bà. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm nhưng đều không được. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể cứu vãn được, bà cũng không còn tình cảm với ông L và vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay.

Hiện nay bà đang làm nghề kinh doanh dịch vụ tiệc cưới (Phương T), ngoài ra còn có thuê mặt bằng bán bún, phở, mì quảng nên có thu nhập ổn định 15.000.000 đồng/tháng.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Đức P, sinh ngày 06/8/2004 và Trịnh Phương T1, sinh ngày 28/5/2009. Đối với cháu P đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao cháu T1 cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà có nợ Ngân hàng TMCP Q (V), chi nhánh Đ1, địa chỉ: K đường V, thành phố B, tỉnh Đồng Nai số tiền 216.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay đã trả hết số nợ trên cho Ngân hàng. Ngoài ra, vợ chồng bà còn nợ vợ chồng ông Trần Ngọc Đ, bà Lê Thị B số tiền 520.000.000 đồng, nhưng vợ chồng ông Đ, bà B đã có văn bản trình bày không có tranh chấp gì trong vụ án này, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, vợ chồng bà không còn nợ bất kỳ cá nhân, tổ chức nào.

Theo lời trình bày của bị đơn ông Trịnh Đức L:

Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông như bà Trần Thị Hoài M trình bày trên là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thôn A, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Sau đó, chuyển đến sinh sống tại huyện L, tỉnh Lâm Đồng một thời gian rồi lại chuyển về sinh sống tại thôn A, xã Đ, huyện L cho đến nay.

Năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp dẫn đến việc kinh doanh dịch vụ tiệc cưới khó khăn, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, ông cũng không còn tình cảm với bà M, nhưng ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Hiện nay ông đang kinh doanh dịch vụ tiệc cưới tại xã Đ, huyện L, nhưng không ổn định, do đó thu nhập còn hạn chế không xác định được.

Về con chung: Ông xác định vợ chồng có con chung tên là Trịnh Đức P, sinh ngày 06/8/2004 và Trịnh Phương T1, sinh ngày 28/5/2009. Hiện nay cháu P đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của

cháu T1 muốn ở với ai thì giao cho người đó. Người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Do ông không đồng ý ly hôn với bà M nên ông không có ý kiến gì về tài sản chung, trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M thì ông sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Vợ chồng ông có nợ Ngân hàng TMCP Q (V), chi nhánh Đ1, địa chỉ: K đường V, thành phố B, tỉnh Đồng Nai số tiền 216.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay đã trả hết số nợ trên cho Ngân hàng. Ngoài ra, vợ chồng ông còn nợ vợ chồng ông Trần Ngọc Đ, bà Lê Thị B số tiền 300.000.000 đồng, số tiền 220.000.000 đồng là nợ riêng của bà M, không liên quan đến ông. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng ông Đ, bà B đã có văn bản trình bày không có tranh chấp gì trong vụ án này, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, vợ chồng ông không còn nợ bất kỳ cá nhân, tổ chức nào.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Hoài M về việc xin ly hôn với ông Trịnh Đức L. Giao con chung là cháu Trịnh Phương T1, sinh ngày 28/5/2009 cho bà Trần Thị Hoài M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Hoài M vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trịnh Đức L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hoài M và ông Trịnh Đức L xây dựng gia đình với nhau năm 2002, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng ngày 12/5/2007. Việc đăng ký kết hôn không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân của bà M và ông L là hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà M khởi kiện ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng bà M, ông L phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cũng đã nhiều lần tìm cách để cải thiện tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay và không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá

trình giải quyết vụ án, ông L cũng xác định không còn tình cảm với bà M nhưng không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M.

Do quan hệ hôn nhân giữa bà M với ông L đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và cả bà M, ông L đều xác định không còn tình cảm với nhau. Do đó, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M, giải quyết cho bà M và ông L được ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị Hoài M và ông Trịnh Đức L có hai con chung là Trịnh Đức P, sinh ngày 06/8/2004 và Trịnh Phương T1, sinh ngày 28/5/2009. Đối với cháu P đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu T1 thì bà M yêu cầu được nuôi cháu T1, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con; ông L đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu T1 trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu Ly hôn của bà M, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu T1 có đơn trình bày nguyện vọng được sống với mẹ và từ khi vợ chồng sống ly thân (cuối năm 2023), cháu T1 vẫn ở với bà M; hơn nữa, cháu T1 là nữ nên cần giao cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Hoài M và ông Trịnh Đức L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; đối với nợ chung do không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Buộc bà Trần Thị Hoài M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của bà Trần Thị Hoài M, xử cho bà Trần Thị Hoài M và ông Trịnh Đức L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Trịnh Phương T1, sinh ngày 28/5/2009 cho bà Trần Thị Hoài M có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trịnh Đức L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Hoài M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp theo biên lai thu số 0004548 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Bà Trần Thị Hoài M đã nộp đủ án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND H. Lâm Hà;
- Chi cục THADS H. Lâm Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Đa Dòn;
- Lưu AV – HS

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phước Minh Phong